TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ- TP HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-ST
Ngày: 28/02/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Tưởng Ngọc Tuấn**

Hội thẩm nhân dân:

Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

Thư ký phiên toà: Ông **Tô Mạnh Hà** – Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2020, tại trụ sở TAND huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 44/2019/TLST-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX – KDTM, ngày 10/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại TNHH MTV Dầu khí toàn cầu (Gpbank); Địa chỉ: Số 109 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Thông – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Trần Minh Ngọc, bà Nguyễn Thị Tâm, ông Tạ Xuân Toản, ông Nguyễn Anh Vũ. Có mặt ông Vũ và ông Toản.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đặng Đức H, sinh năm 1975 (Chủ DNTN Mây tre Đức H)

Trú tại: Thôn Nghĩa Hảo, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trương Văn T, sinh năm 1972

3.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974

3.3. Anh Trương Văn X, sinh năm 1984

3.4. Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1985

Đều trú tại: Đội 1, thôn Tiến Tiên, xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Hà Nội

3.5. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1979

3.6. Chị Đặng Thị Vân O, sinh năm 1999

3.7. Chị Đặng Thị T, sinh năm 2002

3.8. Cháu Đặng Thị T, sinh năm 2005

Đều trú tại: Thôn Nghĩa Hảo, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. *Trong đơn khởi kiện và quá trình tiến hành tố tụng, tại phiên tòa; Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:*

1.1 . Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Ngày 27/01/2011, Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu – Chi nhánh Ba Đình (nay là ngân hàng TM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu – CN Ba Đình) đã ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0061/HĐTDHM/GPBBĐ/2011 với ông Đặng Đức H - Doanh nghiệp tư nhân mây tre Đức H với nội dung cụ thể sau:

+ Số tiền vay: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

+ Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng, từ ngày 27/01/2011 đến ngày 27/01/2012

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh

Căn cứ nội dung hợp đồng tín dụng nói trên, Doanh nghiệp tư nhân mây tre Đức H đại diện trước pháp luật là ông Đặng Đức H đã nhận nợ số tiền 500.000.000 đồng, theo 2 khế ước nhận nợ: Khế ước nhận nợ số: 01.0061/011/GPBBĐ.KƯ ngày 27/01/2011 và Khế ước nhận nợ số 02.0061/011/GPBBĐ.KƯ ngày 03/07/2011.

Sau khi kiểm tra, xem xét lịch xử trả nợ của ông H, tại phiên tòa, nguyên đơn xác định ông H đã trả phần nghĩa vụ đối với khế ước 01.0061/011/GPBBĐ.KƯ ngày 27/01/2011, chỉ còn nợ theo khế ước 02.0061/011/GPBBĐ.KƯ ngày 03/07/2011.

Đối với khế ước 02.0061/011/GPBBĐ.KƯ ngày 03/07/2011 thì sau khi vay ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi. Tính đến ngày 28/02/2020 thì ông H đã trả được cho Ngân hàng số tiền 15.000.000 đồng nợ gốc; 0đ nợ lãi.

Như vậy ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết trong Hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu ông H trả nợ nhưng không kết quả.

Tính đến ngày 20/02/2020 thì theo hợp đồng đã giao kết, Ngân hàng yêu cầu ông H phải trả cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ như sau:

Tổng nợ 912.429.202 đồng, trong đó gồm:

Nợ gốc: 235.000.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 2.841.153 đồng

Nợ lãi quá hạn: 674.588.049 đồng

Lãi phát sinh tiếp tục tính kể từ ngày 21/02/2020 trên số nợ gốc ông H còn nợ theo như thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký.

1.2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, các bên đã ký kết: Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 110008, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng Đại Việt, thành phố Hà Nội. Tài sản bảo đảm trên đã được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ chứng nhận việc thế chấp ngày 13/01/2011. Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng 168 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 11, xóm Vạn Tiến, thôn Tiến Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất" số BB 367371, Số vào sổ cấp GCN: 00073 do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/08/2010 đứng tên ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị T.

Trong trường hợp ông H không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết.

Về việc trong quá trình giải quyết vụ án, ông H xuất trình văn bản "Giấy biên nhận" đề ngày 05/12/2012 giữa ông H và bà T với nội dung có việc chuyển nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng từ ông H sang cho ông T, bà T. Từ năm 2012 đến nay ông T, bà T không trả nợ thay ông H. Quá trình giải quyết vụ án thì ông T có xác định có việc thỏa thuận chuyển nghĩa vụ khoản nợ từ ông H sang ông T, bà T. Tuy nhiên không có ý kiến của bà T, các bên ông H, ông T, bà T cũng không thông báo với ngân hàng. Do đó, ngân hàng xác định hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng và ông H vẫn có hiệu lực và giữ nguyên quan điểm khởi kiện theo Hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với ông H, yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Còn thỏa thuận về tài sản giữa ông H và bà T, ông T không liên quan trong vụ án. Trong trường hợp giữa ông H và bà T, ông T có thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán nợ và có tranh chấp thì là quan hệ dân sự khác.

2. Bị đơn – ông Đặng Đức H trình bày: Ông có thế chấp vay ngân hàng số tiền 250.000.000đ. Ông có thỏa thuận đưa cho vợ chồng ông T 315.000.000đ nhằm để ông T, bà T nhận trả nợ ngân hàng thay ông. Giữa hai bên có lập văn bản thỏa thuận về việc chuyển nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng từ ông H sang ông T, bà T. Quan điểm ông H đề nghị ngân hàng đòi nợ yêu cầu ông T phải trả nợ, trong trường hợp ông T không trả thì đề nghị tiến hành phát mại tài sản của ông T, bà T.

3. Ý kiến của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

3.1. Ông Trương Văn T trình bày:

Năm 2011 vợ chồng ông T, bà T có nhu cầu vay vốn phát triển kinh tế nhưng không biết thủ tục vay tại ngân hàng, qua mối quan hệ quen biết nên ông có nhờ ông Đặng Đức H vay giúp, vợ chồng ông H có cùng vợ chồng ông T ra ngân hàng ký kết hợp đồng. Lần đầu vợ chồng ông T vay ông H 70.000.000đ, có đóng một phần lãi cho ông H nhưng không còn tài liệu giấy tờ chứng minh, sau đó vợ chồng ông làm ăn thua lỗ nên ông vay tiếp ông H 180.000.000đ. Ông H và

vợ chồng ông T có thỏa thuận về việc vợ chồng ông T sẽ có trách nhiệm trả số nợ còn nợ ngân hàng 235.000.000đ nợ gốc và lãi phát sinh. Tuy nH vì điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông T chưa trả.

3.2. Anh Trương Văn Xuyên trình bày:

Anh Xuyên là em của ông Trương Văn T. Năm 2014 anh Xuyên có thỏa thuận với ông T, bà T là cho vợ chồng anh cùng các con ở nhờ trên thửa đất của ông T, bà T. Thỏa thuận giữa vợ chồng ông T cho vợ chồng anh Xuyên, chị Liên không lập văn bản gì vì là anh em trong nhà, bao giờ vợ chồng ông T yêu cầu lấy lại nhà thì vợ chồng anh Xuyên sẽ giao trả.

Việc ông T, bà T thế chấp thửa đất tại ngân hàng Gpbank từ khi nào và thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nào thì vợ chồng anh Xuyên không biết mà chỉ biết đến ở nhờ.

Quá trình ở nhờ trên thửa đất từ năm 2014 đến nay thì các tài sản công trình trên đất vẫn giữ nguyên trạng, không thay đổi. Vợ chồng anh Xuyên, chị Liên không xây dựng, tôn tạo công trình nào trên đất.

Việc Gpbank khởi kiện ông Đặng Đức H và đề nghị xem xét việc kê biên, phát mại tài sản là thửa đất của vợ chồng ông T trong trường hợp ông H không trả được nợ thì vợ chồng anh Xuyên không có ý kiến gì, nếu ông T, bà T đòi lại nhà thì anh cũng đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ thể hiện quan điểm:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ; Tuy nhiên: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

- Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 20/2/2020 là: Tổng nợ 912.429.202 đồng, trong đó gồm:Nợ gốc: 235.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.841.153 đồng; Nợ lãi quá hạn: 674.588.049 đồng. Ông H phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 21/02/2020 theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký.

- Xác định Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành.

- Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

1.1. Bị đơn là ông Đặng Đức H cư trú tại: Thôn Nghĩa Hảo, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; Việc Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời điểm giao kết HĐTD, HĐTCTS, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

1.2. Tại phiên tòa ngày 21/02/2020 bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1.1 Xét tính hiệu lực của **Hợp đồng tín dụng số:** 0061/HĐTDHM/GPBBĐ/2011 với ông Đặng Đức H - Doanh nghiệp tư nhân mây tre Đức H với nội dung cụ thể sau: Số tiền Ngân hàng cho ông H, do ông Đặng Đức H đại diện theo pháp luật vay 500.000.000 đồng. Vục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh. Nội dung của Hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định Hợp đồng tín dụng số 0061/HĐTDHM/GPBBĐ/2011 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thoả thuận của Hợp đồng tín dụng.

2.1.2. Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ gốc, lãi phát sinh của nguyên đơn:

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu đã giải ngân cho ông H vay đủ số tiền 500.000.000 đồng. Như vậy Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu đã thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, ông H đã tất toán xong phần khoản nợ tại Khế ước nhận nợ số: 01.0061/011/GPBBĐ.KƯ ngày 27/01/2011; Còn nghĩa vụ nợ tại Khế ước nhận nợ số 02.0061/011/GPBBĐ.KƯ ngày 03/07/2011 thì ông mới trả được 15.000.000 đồng tiền gốc của hợp đồng. Đến nay ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ trả nợ quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết và vẫn chưa thanh toán hết khoản vay trên. Như vậy H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu khởi kiện đề nghị buộc ông H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo Khế ước nhận nợ 02.0061/011/GPBBĐ.KƯ ngày 03/07/2011 là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc ông H xuất trình bản sao văn bản thỏa thuận việc chuyển nghĩa vụ trả nợ từ ông H sang cho ông T, bà T có được ông T xác nhận, tuy nhiên các bên không thông báo đến ngân hàng, không lập văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

tín dụng, Hợp đồng thế chấp, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không chấp nhận thỏa thuận về việc chuyển nghĩa vụ trả nợ này mà vẫn khởi kiện ông H là chủ thể bên vay trên hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở, được chấp nhận. Thỏa thuận về việc thanh toán nghĩa vụ, chuyển nợ trong văn bản giữa ông H với ông T, bà T nếu tồn tại và nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Theo đó, buộc ông H phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu số tiền còn nợ cả gốc và lãi phát sinh của khoản vay tính đến ngày 20/02/2020 là: 912.429.202 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 235.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 2.841.153 đồng; Nợ lãi quá hạn: 674.588.049 đồng

Kể từ ngày 21/02/2020, ông H phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Đối với yêu cầu đề nghị xử lý khối tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản.

Xét: Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 110008, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng Đại Việt, thành phố Hà Nội. Tài sản bảo đảm trên đã được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ chứng nhận việc thế chấp ngày 13/01/2011. Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng 168 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 11, xóm Vạn Tiến, thôn Tiến Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền trên đất" số BB 367371, Số vào sổ cấp GCN: 00073 do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/08/2010 đứng tên ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị T.

Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản thì các bên đã trực tiếp ký. Hội đồng xét xử xác định: Các bên khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thoả thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản công chứng 110008, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng Đại Việt, thành phố Hà Nội. Tài sản bảo đảm trên đã được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ chứng nhận việc thế chấp ngày 13/01/2011 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Theo đó: Trường hợp ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 168 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 11, xóm Vạn Tiến, thôn Tiến Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền trên đất" số BB 367371, Số vào sổ cấp GCN: 00073 do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/08/2010 đứng tên ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị T để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 thì:

- Ông H phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 39.372.876 đồng.

- Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu không phải chịu án phí, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều: 290,342, 343, 355, 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu.

2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông Đặng Đức H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP dầu khí toàn cầu số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 0061/HĐTDHM/GPBBĐ/2011 ngày 27/01/2011 và khế ước nhận nợ đã ký, tính đến ngày 20/02/2020 là: 912.429.202 đồng trong đó:

- Nợ gốc: 235.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 2.841.153 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 674.588.049 đồng.

Kể từ ngày 21/02/2020 ông Đặng Đức H phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

3.1. Trường hợp ông Đặng Đức H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại khối

tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng 168 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 63, tờ bản đồ số 11, xóm Vạn Tiến, thôn Tiến Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền trên đất" số BB 367371, Số vào sổ cấp GCN: 00073 do UBND huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/08/2010 đứng tên ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị T.

4. Về án phí:

4.1. Buộc ông Đặng Đức H phải chịu 39.372.876 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4.2. Trả lại Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu đồng 19.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ theo (Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: AA/2015/0004428 ngày 10/12/2019).

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Tưởng Ngọc Tuấn